BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Tin giá Heo hơi ngày 21/10/2021 - Cập nhật lúc 17h15: Giá Heo hơi tại miền Nam dự kiến điều chỉnh tăng 2.000 đồng/kg vào ngày mai (22/10) 17:14 21/10

- Tại thị trường miền Nam, giá heo hơi dự kiến điều chỉnh tăng 2.000 đồng/kg vào ngày mai (22/10), đẩy mặt bằng giá lên quanh 38.000-46.000 đồng/kg.

Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Nam trong tuần (VND/kg)

	Khu vực	19/10/2021	20/10/2021	21/10/2021	Dự kiến 22/10/2021
Heo công ty	Đồng Nai	36.000-46.000	36.000-46.000	36.000-46.000	38,000-46.000

Tin giá Heo hơi ngày 21/10/2021 - Cập nhật lúc 16h45: Giá Heo hơi tại miền Bắc dự kiến điều chỉnh tăng 2.000 đồng/kg vào ngày mai (22/10) 16:41 21/10

- Tại thị trường miền Bắc, giá heo hơi dự kiến tiếp tục điều chỉnh tăng 2.000 đồng/kg vào ngày mai (22/10) cho heo biểu to, đẩy mặt bằng giá lên quanh 38.000-46.000 đồng/kg.

Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Bắc trong tuần (VND/kg)

	Khu vực	19/10/2021	20/10/2021	21/10/2021	Dự kiến 22/10/2021
Heo công ty	Miền Bắc	32,000-42,000	32,000-42,000	36,000-46,000	38,000-46.000

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 21/10/2021 14:18 21/10

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trung Quốc

- Trong khi mặt bằng giá heo hơi tại miền Nam Trung Quốc tạm chững lại quanh 13,9-14,7 tệ/kg, tương đương 49-52.000 đồng/kg thì giá bình quân cả nước tiếp tục tăng lên mức 14,2 tệ/kg, tương đương gần 51.000 đồng/kg nhờ đà tăng mạnh tại khu vực phía Bắc khi hoạt động thu gom heo gặp khó khăn bởi thời tiết lạnh giá.

- Sau khi tăng liên tục trong các phiên giao dịch đầu tuần, giá heo trên sàn Đại Liên có xu hướng giảm lại vào hôm nay khi một số công ty lớn nâng lượng heo dự kiến xuất bán trong những tháng còn lại của năm 2021. Trong một công bố mới nhất, Tập đoàn Muyuan của Trung Quốc cho biết sẽ nâng lượng heo xuất bán trong năm 2021 lên 40 triệu con, tăng 4 triệu con so với kế hoạch đề ra trước đó và gấp 2,2 lần so với lượng bán của năm 2020.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

Tại miền Bắc

- Tại miền Bắc Việt Nam, do heo dân giảm mạnh lượng bán ra hoặc đòi giá cao 38-40.000 đồng/kg, cùng một số công ty lớn bán ra hạn chế hoặc ngưng bán nên mặt bằng giá heo tiếp tục được đẩy lên vào hôm nay, dao động quanh 36.000-38.000 đồng/kg, mức dưới 36.000 đồng/kg không còn, ngay cả với heo biểu to. Với những

công ty đang mở bán, lượng bán vẫn đạt cao do nguồn cung heo nội vùng khan hiếm trong khi heo từ miền Trung và miền Nam phải từ chiều nay mới ra nhiều hơn.

- Nhu cầu thuê xe chở heo để đóng heo từ miền Trung và miền Nam ra Bắc tăng mạnh, đẩy giá cước xe lên mức 60-65 triệu đồng/xe, tức tăng thêm 10 triệu đồng/xe so với hôm qua và rất khó thuê.

Tại miền Trung

- Do nhu cầu đóng heo ra Bắc tăng mạnh nên giá heo biểu to từ 130-140 kg/con tại miền Trung nay tăng lên mức 34.000 đồng/kg trong khi heo loại ra từ đi thành phố tại miền Nam tăng lên mức 30-31.000 đồng/kg.

Tại miền Nam

- Tại miền Trung và miền Nam, do lực hút heo từ miền Bắc nên một số công ty cũng tranh thủ đẩy giá bán heo tăng thêm từ 1.000-2.000 đồng/kg tùy loại. Sức mua tiêu thụ tại miền Trung và miền Nam chưa tăng đáng kể do số ca nhiễm Covid 19 ở mức cao khiến nhiều tỉnh nới giãn cách thận trọng và chưa cho bán hàng ăn tại chỗ.

Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại chợ Ngọc Lũ, hôm nay lượng heo về chợ đạt hơn 4.000 con, gần như toàn bộ là heo từ miền Trung và miền Nam đưa ra còn heo dân quanh vùng rất ít. Chợ bán trôi từ đầu phiên và không còn tồn lượng do thương lái đổ về chợ mua heo tăng mạnh sau khi không mua được heo từ dân do giá cao hoặc không bán. Giá heo đầu tại chợ được giao dịch cao nhất 40-40.500 đồng/kg, phổ biến 36-37.000 đồng/kg.

- Tại lò Vạn Phúc, lượng heo đưa về có xu hướng giảm khi nhiều công lớn ngưng bán đột ngột, chỉ khoảng 1.300-1.400 con vào hôm nay. Giá heo mảnh tại lò được đẩy tăng lên mức cao nhất 52.000 đồng/kg, phổ biến 46-47.000 đồng/kg, hàng chân dễ bán.

Giao dịch biên mậu

- Tại cửa khẩu phía Bắc, mặc dù có thông tin heo Việt Nam được gom lên lò mổ sát biên khu vực Cao Bằng, Lạng Sơn rồi mổ mảnh bán đi Trung Quốc nhưng theo thương nhân, việc xuất heo mảnh vẫn chưa làm được do phía Trung Quốc kiểm soát chặt cho dù nhu cầu hỏi hàng của chủ bên Trung Quốc có khá nhiều.

- Nhu cầu gom heo miền Nam bán đi Cam có xu hướng tăng lại, đặc biệt qua cửa khẩu Vĩnh Gia, Vĩnh Điều của An Giang, với lượng đi được tầm 300-400 con/ngày, chủ yếu qua đường ghe, với giá heo bán tại cửa khẩu khoảng 41.000 đồng/kg. Thương lái tại cửa khẩu kỳ vọng khi Campuchia mở cửa lại toàn bộ nền kinh tế cùng với phía Việt Nam cho lưu thông bằng xe tải qua biên thì lượng heo xuất đi Campuchia sẽ tăng tốt trong thời gian tới do chênh lệch giá heo giữa Việt Nam – Thái Lan- Campuchia vẫn khá tốt.

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 11/10/2021 (nghìn tấn)
13:13 16/10

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 11/10/2021

(xem chi tiết tại đây)

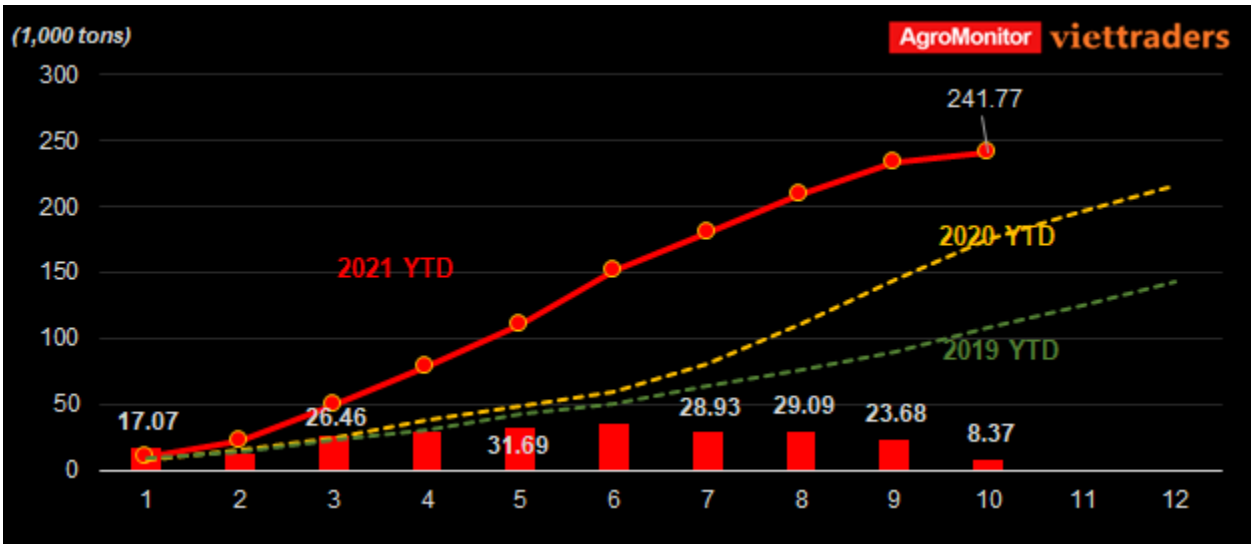

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 16/10/2021 (con/ngày) 17:18 16/10

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 16/10/2021 (con/ngày)

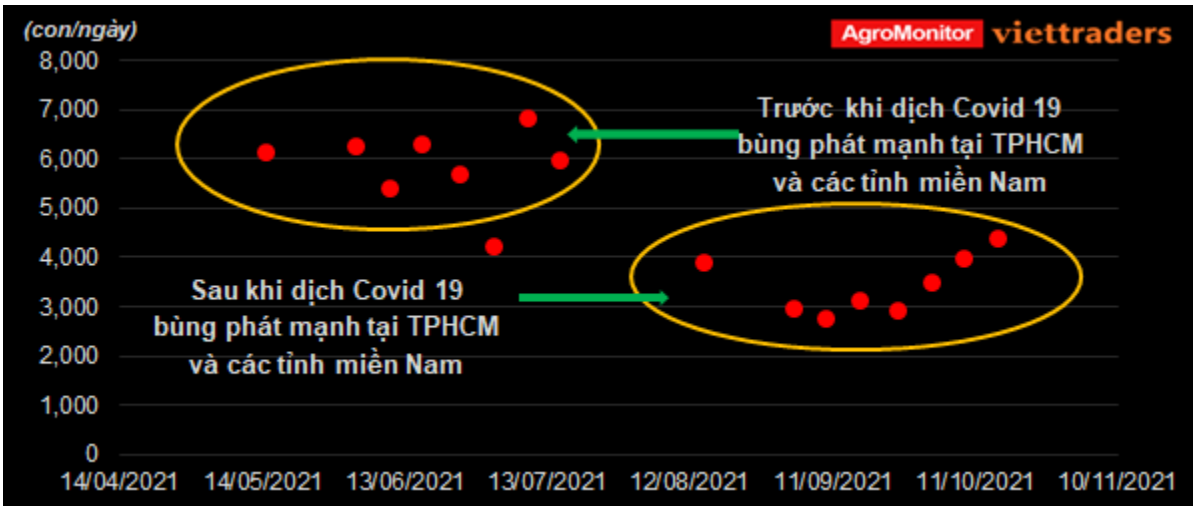

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và heo con ngày 21/10/2021 10:43 21/10

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		36,000-46,000	33,000-42,000	32,000-42,000
Heo dân	Thái Bình	36,000-40,000	35,000-38,000	33,000-38,000
	Bắc Giang	36,000-38,000	34,000-37,000	33,000-37,000
	Hà Nội	36,000-38,000	35,000-36,000	33,000-37,000

Heo giống			
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	105.000-110.000	105.000-110.000	105.000-110.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	700.000-900.000	700.000-900.000	500.000-900.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1.000.000-1.300.000	1.000.000-1.300.000	1.000.000-1.300.000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung		32,000-45,000	31,000-44,000	31,000-45,000
Heo dân	Nghệ An	35,000-37,000	34,000-36,000	32,000-36,000
	Bình Định	35,000-38,000	35,000-38,000	36,000-42,000
	Đắc Lắc	36,000-39,000	36,000-39,000	36,000-41,000
Lưu chuyển heo từ miền Trung vào miền Nam				
Giá heo gom vào miền Nam		34.000	33,000-34,000	-

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	36,000-46,000	36,000-46,000	36,000-46,000
	Miền Tây	35.000-46,500	35.000-46,500	35.000-46,500
Heo dân	Đồng Nai	36,000-41,000	36,000-41,000	36,000-41,000
	Tiền Giang	37,000-38,000	37,000-38,000	37,000-40,000
	Bến Tre	35,000-39,000	35,000-39,000	34,000-39,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.100.000	1.000.000-1.100.000	1.000.000-1.100.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.100.000-1.200.000	1.100.000-1.200.000	1.100.000-1.200.000
Lưu chuyển heo từ miền Nam ra miền Bắc				
Giá biểu to lên xe bán ra **miền Bắc**		30.000-31.000	29,500-30,000	28.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 21/10/2021 11:07 21/10

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	27.000-28.500	27.000-28.500	22.000-24.000
	Miền Nam	27.000-30.000	30.000-31.000	28.000-30.000
Gà trong dân	*Miền Bắc*			
	Thái Nguyên	27.000-28.000	27.000-28.000	22.000-23.500
	Vĩnh Phúc	27.500-28.500	27.500-28.500	22.000-24.000
	Hà Nội	27.500-28.500	27.500-28.500	22.000-24.000
	Miền Nam			
	Bình Dương	27.000-28.000	30.000-31.000	27.000-30.000
	Bình Phước	27.000-28.000	30.000-31.000	27.000-30.000

Gà màu

Bảng 2. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000
Gà ta lai CP – miền Nam	40.000	40.000	35.000-38.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam- gà nuôi trên 4 tháng	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000
Gà Minh Dư – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	50.000-55.000	50.000-55.000	48.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Nam – gà nuôi trên 4 tháng	38.000-40.000	38.000-40.000	40.000-42.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	36.000-38.000	37.000-38.000	40.000-41.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	48.000-49.000	49.000-50.000	43.000-46.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	53.000-54.000	53.000-54.000	47.000-56.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 21/10/2021 10:02 21/10

Mặt bằng giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục tăng lên khá tốt, làm giảm bớt áp lực thua lỗ cho người chăn nuôi.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	14,20	▲0,20	▼15,73	50.500
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	13,86	▼0,01	▼17,35	49.300
	(DCE) T11/2021	CNY/kg	14,29	▲0,14	-	50.900
	(DCE) T1/2022	CNY/kg	16,34	▲0,21	-	58.200
	(DCE) T3/2022	CNY/kg	15,18	▼0,01	-	54.000
Thái Lan	Giao ngay	Baht/kg	71,58	—0,00	▼6,42	49.700
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	14.300	—0,00	▲2.600	79.800
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	58.672	▼1.598	▲16.266	94.500
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Cent/lbs	53,27	—0,00	▲3,43	26.800
	(CME) T12/2021	Cent/lbs	76,03	▼1,38	▲6,78	38.300
	(CME) T2/2022	Cent/lbs	79,23	▼1,23	▲9,79	39.900
	(CME) T4/2022	Cent/lbs	83,43	▼0,98	▲14,18	42.000
Canada	Giao ngay	Penny/kg	221,23	—0,00	-	40.600
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,22	▲0,01	▼0,20	27.900

Ghi chú: Giá heo nạc Mỹ giao dịch kỳ hạn tại sàn CME áp dụng đối với heo biểu 77-87 kg/con có độ nạc 50-51%.

Giá trâu/bò hơi và trâu/bò vỗ béo tại sàn Chicago quay đầu tăng trở lại trước thềm báo cáo chăn thả công bố vào cuối tuần.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch bò hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Úc	Bò thiến già	Aucent/kg	448,20	▲3,40	▲74,45	77.400
	Bò cái trung	Aucent/kg	351,40	▼1,70	▲56,15	60.600
	Bò thiến nuôi	Aucent/kg	526,10	▼1,40	▲110,10	90.800
Mỹ	Bò thiến	Uscent/pound	124,04	▼0,96	▲18,09	62.500
	Bò cái tơ	Uscent/pound	125,00	-	▲19,29	63.000
	(CME) T12/2021	Uscent/pound	130,53	▲0,50	▼3,97	65.800

	(CME) T2/2022	Uscent/pound	135,60	▲0,60	▲1,10	68.300
	(CME) T4/2022	Uscent/pound	138,50	▲0,75	▲4,00	69.800
Brazil	Giao ngay	USD/arroba	47,39	▼1,39	▼0,21	72.200
	(BMFG) T11/2021	BRL/arroba	273,40	▼4,65	▼11,30	76.700
	(BMFG) T12/2021	BRL/arroba	284,85	▼6,75	▲0,10	79.500

Thị trường Gia súc thế giới ngày 21/10/2021

10:11 21/10/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 21/10/2021

Thị trường Heo

▶ ***Giá heo Trung Quốc***

- Giá **bình quân** tăng thêm lên 14,20 tệ/kg (▲0,20 tệ/kg);

- Tại tỉnh **Quảng Tây**, giá heo đạt 13,86 tệ/kg (▼0,01 tệ/kg);

- Giá heo DCE tháng 11/2021 khớp phiên 20/10 đạt 14,29 tệ/kg (▲1,0%).

▶ ***Giá heo Mỹ***

- Giá **giao ngay** không có điều chỉnh mới, đạt **53,27** cent/pound;

- Heo nạc **CME T2/2022** còn 79,23 cent/pound (▼1,5%).

▶ ***Sản xuất – Tiêu thụ***

- Công ty Muyuan điều chỉnh tăng mục tiêu xuất bán cho năm 2021 lên 40 triệu con heo.

Thị trường Trâu/Bò

▶ ***Giá bò Úc***

- Giá **bò thiến nuôi** giảm thêm xuống 526,10 Aucent/kg (▼1,40 Aucent/kg);

- Giá **bò thiến già** tăng đạt 448,20 Aucent/kg (▲3,40 Aucent/kg).

▶ ***Giá trâu/bò Mỹ***

- Trâu/bò hơi **CME T12/2021** quay đầu tăng lên 130,53 cent/pound (▲0,3%);

- Trâu/bò vỗ béo **CME T11/2021** nhích lên 159,35 cent/pound (▲0,3%).

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ ***Tại Trung Quốc***

- Trong khi mặt bằng giá heo hơi tại miền Nam Trung Quốc tạm chững lại quanh 13,9-14,7 tệ/kg, tương đương 49-52.000 đồng/kg thì giá bình quân cả nước tiếp tục tăng lên mức 14,2 tệ/kg, tương đương gần 51.000 đồng/kg nhờ đà tăng mạnh tại khu vực phía Bắc khi hoạt động thu gom heo gặp khó khăn bởi thời tiết lạnh giá.

- Sau khi tăng liên tục trong các phiên giao dịch đầu tuần, giá heo trên sàn Đại Liên có xu hướng giảm lại vào hôm nay khi một số công ty lớn nâng lượng heo dự kiến xuất bán trong những tháng còn lại của năm 2021.

- Trong một công bố mới nhất, Tập đoàn Muyuan của Trung Quốc cho biết sẽ nâng lượng heo xuất bán trong năm 2021 lên 40 triệu con, tăng 4 triệu con so với kế hoạch đề ra trước đó và gấp 2,2 lần so với lượng bán của năm 2020. Hiện Muyuan đã xuất bán được trên 26 triệu con heo trong 9 tháng đầu năm, như vậy với kế hoạch hiện tại, sẽ có trung bình 4-5 triệu con từ công ty này được đưa thị trường mỗi tháng, chiếm tới trên dưới 50% tổng nguồn cung heo từ các công ty.

▶ *Tại Mỹ*

- Giá heo nạc giao dịch tại sàn Chicago đồng loạt giảm thêm trong phiên giao dịch 20/10 do thị trường tiếp tục lo ngại về nhu cầu thịt heo từ phía Trung Quốc khi giá thịt heo nước này vẫn có xu hướng biến động không chắc chắn tùy thuộc vào sự thay đổi từ phía nguồn cung. Chốt phiên hôm qua, giá heo nạc CME tháng 12/2021 giảm còn quanh 76 cent/pound, tương đương 38.000 đồng/kg.

DIỄN BIẾN GIÁ

Mặt bằng giá heo hơi Trung Quốc tiếp tục tăng lên khá tốt, làm giảm bớt áp lực thua lỗ cho người chăn nuôi.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	14,20	▲0,20	▼15,73	50.500
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	13,86	▼0,01	▼17,35	49.300
	(DCE) Kỳ hạn T11/2021	CNY/kg	14,29	▲0,14	-	50.900
	(DCE) Kỳ hạn T1/2022	CNY/kg	16,34	▲0,21	-	58.200
	(DCE) Kỳ hạn T3/2022	CNY/kg	15,18	▼0,01	-	54.000
Thái Lan	Giao ngay	Baht/kg	71,58	—0,00	▼6,42	49.700
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	14.300	—0,00	▲2.600	79.800
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	58.672	▼1.598	▲16.266	94.500
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	53,27	—0,00	▲3,43	26.800
	(CME) Kỳ hạn T12/2021	Uscent/pound	76,03	▼1,38	▲6,78	38.300

	(CME) Kỳ hạn T2/2022	Uscent/pound	79,23	▼1,23	▲9,79	39.900
	(CME) Kỳ hạn T4/2022	Uscent/pound	83,43	▼0,98	▲14,18	42.000
Canada	Giao ngay	Penny/kg	221,23	—0,00	-	40.600
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,22	▲0,01	▼0,20	27.900

Ghi chú: Giá heo nạc Mỹ giao dịch kỳ hạn tại sàn CME áp dụng đối với heo biểu 77-87 kg/con có độ nạc 50-51%.

Hình 1. Diễn biến giá hợp đồng heo hơi các kỳ hạn tại sàn Đại Liên (DCE) tính tới cuối phiên 20/10/2021 (đồng/kg)

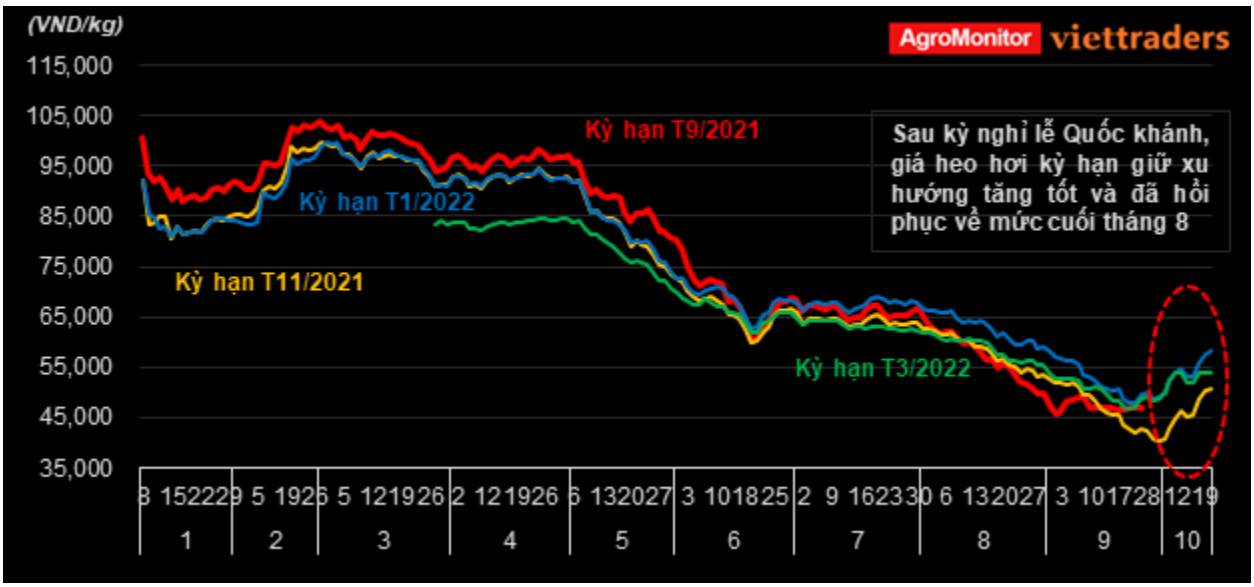

Nguồn: AgorMonitor tổng hợp

Bắt kịp nhịp tăng của giá heo hơi, giá heo giống tại Trung Quốc cũng có xu hướng hồi phục trở lại.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá			Quy đổi
				1 ngày	1 tuần	1 năm	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	-	CNY/kg	16,36	—0,00	▼0,08	▼92,05	58.200
Thái Lan	CP – 6kg	Baht/con	1.600	—0,00	▲200	▼900	1.109.000
	CP – 16kg	Baht/con	1.900 (+/- 72)	—0,00	▲200	▼900	1.317.000

	Trại dân – 12kg	Baht/con	1.800	—0,00	▲200	▼900	1.248.000
Mỹ	Cai sữa – Dưới 6kg	USD/con	48,94	—0,00	▲0,11	-	1.118.800
	18kg	USD/con	70,64	—0,00	▼3,03	-	1.614.800
EU	-	EUR/con	30,50	—0,00	▼0,20	▼5,38	821.000

Giá thịt heo tại Mỹ có xu hướng giảm do lo ngại sức mua của thị trường chậm lại tại cả kênh tiêu thụ nội địa và xuất khẩu,

Bảng 3. Bảng giá thân thịt heo tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi
				1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	VND/kg
Trung Quốc	Heo mảnh	CNY/kg	17,68	—0,00	▼0,43	▼2,56	▼26,87	62.600
Mỹ	Heo mảnh	Uscent/pound	96,87	▼2,47	▼7,98	▼6,02	-	48.800
Brazil	Heo mảnh	USD/kg	1,86	▲0,02	▼0,05	-	▼0,42	42.500
EU	Thân thịt loại S	EUR/100kg	137,60	—0,00	▼2,90	▼7,30	▼11,23	37.100
	Thân thịt loại E	EUR/100kg	132,40	—0,00	▼1,70	▼5,80	▼8,27	35.700
	Thân thịt loại R	EUR/100kg	161,90	—0,00	▼26,30	▼5,90	▼35,00	43.600

(Ghi chú: Thân thịt heo EU loại S có độ nạc >60%; loại E từ 55-60%; loại R từ 45-50%)

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2021

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
30/09/2021, 1-5/10/2021, 12/10/2021	- **Ba Lan** tiếp tục công bố 47 con heo rừng và 7 con heo nhà nhiễm dịch tả châu Phi. - Dịch tả châu Phi tiếp tục lan rộng đối với heo rừng tại **Latvia**, từ 17 con bị nhiễm bệnh trong các ngày kể trên đã lây lan thêm cho 2 con khác, hiện 3 con đã bị chết vì bệnh dịch và số còn lại đã được tiêu hủy.

5/10/2021	- **Đức** vẫn chưa hoàn toàn khống chế được dịch tả châu Phi đối với đàn heo rừng, từ 25 con ghi nhận nhiễm bệnh vào ngày 5/10 đã lây lan ra tổng cộng 185 con, 102 con trong số đó đã bị chết và số còn lại đã được đem đi tiêu hủy lên tới 83 con.
1/10/2021 & 8/10/2021	- 4 con heo rừng và 82 con heo nhà tại **Romania** ghi nhận bị nhiễm dịch tả châu Phi. Toàn bộ 4 con heo rừng trên đã bị chết và tổng cộng có tới 64.000 con heo nhà bị lây lan hoặc có liên quan đến 82 trường hợp nhiễm bệnh kể trên, trong đó 633 con đã bị chết và 6.885 con bị tiêu hủy. - 6 khu vực tại **Nga** tiếp tục cho biết 24 con heo bị nhiễm bệnh, trong đó 7 con heo rừng và số còn lại là heo nhà tại rải rác các trang trại. Các trường hợp này tiếp tục lây lan thêm và khiến tổng cộng 8 con heo rừng bị chết, 93 con heo nhà bị nhiễm bệnh (53 con bị chết, số còn lại và những trường hợp liên quan đã bị tiêu hủy lên tới 160 con).
7&12/10/2021	- Dịch tả heo châu Phi đã tiếp tục quay lại đất nước **Hungary**, 5 con heo rừng đã bị nhiễm bệnh và chết tại 4 khu vực.
30/09/2021, 11-12/10/2021	- 3 khu vực tại **Cộng hòa Nam Phi** tiếp tục công bố tổng cộng 7 ổ dịch đối với heo nhà, khiến 756 con bị nhiễm bệnh, 679 con đã bị chết và số còn lại đã được tiêu hủy toàn bộ.
13/10/2021	- **Hàn Quốc** tiếp tục có động thái mạnh tay để khống chế sự lây lan của dịch tả heo châu Phi. Sau khi 1 trường hợp heo nhà ghi nhận nhiễm bệnh tại tỉnh Gangwon-do, chính quyền tỉnh này đã tiến hành tiêu hủy toàn bộ 579 con khác có liên quan.

Sản xuất – Tiêu thụ

Tại Trung Quốc

Trong tháng 9/2021, lượng heo sống xuất bán của top 15 doanh nghiệp chăn nuôi tại Trung Quốc tăng 10% so với tháng trước, trong đó xu hướng tăng ghi nhận tại hầu khắp các doanh nghiệp.

Bảng 5. Lượng heo sống xuất bán của 15 doanh nghiệp chăn nuôi nổi bật tại Trung Quốc trong năm 2021 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 8	Tháng 9	So với tháng trước	So với mục tiêu xuất bán năm 2021		
					9T 2021	Mục tiêu	Tiến độ
1	Muyuan	2.573,0	3.086,0	▲20%	**26.107,0**	40.000,0	65%
2	Zhenbang Tech	1.711,6	1.376,0	▼20%	**11.835,3**	20.000,0	59%
3	New Hope	779,7	935,7	▲20%	**6.811,3**	16.000,0	43%
4	Wen's	1.310,6	1.698,8	▲30%	**8.975,2**	12.000,0	75%
5	Cofco	287,0	288,0	-	**2.601,0**	-	-

6	Dabeinong	401,0	424,1	▲6%	**2.948,7**	5.000,0	59%
7	Aonong Bio	213,4	325,9	▲53%	**2.051,4**	4.000,0	51%
8	Tianbang	353,3	321,2	▼9%	**2.807,7**	7.000,0	40%
9	Tiankang Bio	199,5	158,0	▼21%	**1.218,1**	2.000,0	61%
10	Tang Ren Shen	87,1	108,0	▲24%	**1.151,6**	2.000,0	58%
11	Jin Xinnong	43,9	70,2	▲60%	**623,5**	1.200,0	52%
12	Longda Meat	38,1	28,8	▼24%	**315,7**	-	-
13	Luo Niu Shan	28,9	38,3	▲33%	**271,0**	-	-
14	Dawnrays	24,3	25,2	▲4%	**251,1**	400,0	63%
15	Zhenhong Tech	18,1	29,9	▲65%	**144,1**	-	-
Tổng		**8.069,5**	**8.914,1**	▲10%	**68.112,7**	-	-

Ghi chú: Mục tiêu xuất bán của công ty Muyuan đã được điều chỉnh tăng lên so với dữ liệu trước đó.

▶ *Tại Mỹ*

Lượng heo đưa vào giết mổ trong tuần này tương đương so với tuần trước với tổng gần 1,43 triệu con trong 3 ngày đầu tuần.

Bảng 6. Lượng heo Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)

Ngày	Dự kiến	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
18/10/2021	478	472	472*	477	477
19/10/2021	478	478	950	954	967
20/10/2021	478	-	1.428	1.427	1.460

*Ghi chú: * số liệu điều chỉnh*

Tổng lượng thịt heo Mỹ sản xuất trong năm 2021 tính tới ngày 16/10 đạt trên 9,8 triệu tấn, giảm 2% so với lũy kế cùng kỳ năm 2020.

Bảng 7. Diễn biến hoạt động sản xuất thịt heo tại Mỹ theo tuần

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng heo xuất chuồng (kg/con)	Lượng heo đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt heo (nghìn tấn; %)		
			Lượng (1.000 tấn)	Lũy kế 2021 (1.000 tấn)	2021/2020 (%)
25/09/2021	127,5	2.578	244,5	9065,9	▼1,8
02/10/2021	127,9	2.516	239,4	9308,3	▼1,8

09/10/2021	128,4	2.597	248,2	9559,4	▼2,0
16/10/2021	128,8	2.637	252,7	9814,8	▼2,0

Thương mại

Tại Thái Lan

Tại Campuchia, dịch Covid 19 vẫn có diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu thụ khiến lượng nhập khẩu heo sống từ Thái Lan vẫn đạt thấp, đồng thời nhu cầu heo sống Thái Lan từ các thị trường khác trong khu vực vẫn chưa có trở lại khiến tổng lượng heo sống xuất khẩu của Thái Lan tính đến tuần giữa tháng 10 vẫn đạt thấp, chỉ quanh 500 con/ngày sang Campuchia..

Bảng 8. Tiến độ xuất khẩu heo sống của Thái Lan (con/ngày)

Thị trường	Tuần kết thúc 09/10	Tuần kết thúc 16/10	Thay đổi	Ghi chú
Campuchia	500	500	-	Toàn bộ là heo thịt
Lào	-	-	-	
Trung Quốc	-	-	-	
Myanmar	-	-	-	
Việt Nam	-	-	-	

B. THỊ TRƯỜNG TRÂU/BÒ

Tại Mỹ

- Tại sàn Chiacago, giá trâu/bò hơi và trâu/bò vỗ béo các kỳ hạn quay đầu tăng trở lại trong phiên giao dịch 20/10 do thị trường kỳ vọng vào sự ổn định tại kênh giao dịch trực tiếp trước thềm báo cáo về tình trạng chăn thả đàn bò Mỹ tháng 10 sẽ được công bố vào cuối tuần này.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá trâu/bò hơi và trâu/bò vỗ béo tại sàn Chicago quay đầu tăng trở lại trước thềm báo cáo chăn thả công bố vào cuối tuần.

Bảng 9. Bảng giá giao dịch bò hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi
				1 ngày	1 năm	VND/kg
Úc	Bò thiến già	Aucent/kg	448,20	▲3,40	▲74,45	77.400
	Bò cái trung	Aucent/kg	351,40	▼1,70	▲56,15	60.600
	Bò thiến nuôi	Aucent/kg	526,10	▼1,40	▲110,10	90.800

Mỹ	Bò thiến	Uscent/pound	124,04	▼0,96	▲18,09	62.500
	Bò cái tơ	Uscent/pound	125,00	-	▲19,29	63.000
	(CME) Kỳ hạn T12/2021	Uscent/pound	130,53	▲0,50	▼3,97	65.800
	(CME) Kỳ hạn T2/2022	Uscent/pound	135,60	▲0,60	▲1,10	68.300
	(CME) Kỳ hạn T4/2022	Uscent/pound	138,50	▲0,75	▲4,00	69.800
Brazil	Giao ngay	USD/arroba	47,39	▼1,39	▼0,21	72.200
	(BMFG) Kỳ hạn T11/2021	BRL/arroba	273,40	▼4,65	▼11,30	76.700
	(BMFG) Kỳ hạn T12/2021	BRL/arroba	284,85	▼6,75	▲0,10	79.500

Bảng 10. Bảng giá bò vỗ béo tại sàn giao dịch CME (Mỹ)

Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
			1 ngày	1 năm	
(CME) Kỳ hạn T11/2021	Uscent/pound	159,85	▲0,50	▲55,23	80.300
(CME) Kỳ hạn T1/2022	Uscent/pound	160,48	▲1,25	▲56,35	80.900
(CME) Kỳ hạn T3/2022	Uscent/pound	161,43	▲1,33	▲57,30	81.300

Hình 2. Tương quan giá trâu/bò hơi tại một số nước khu vực Nam Mỹ từ 2020 – tuần 2 tháng 10/2021 (USD/kg)

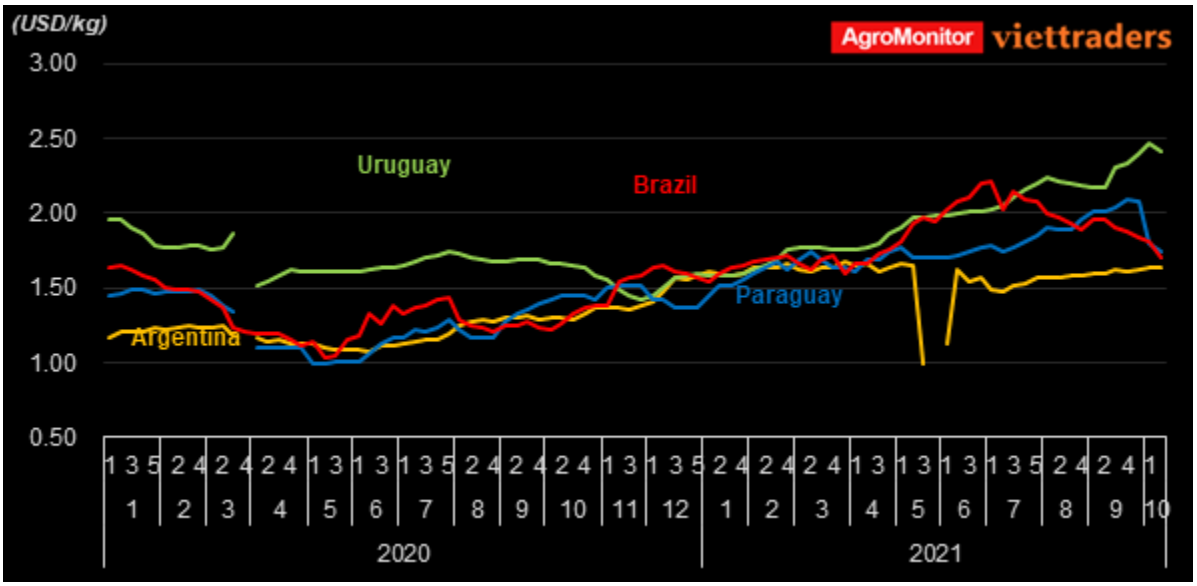

Nguồn: AgorMonitor tổng hợp

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Sản xuất – Tiêu thụ

Tại Úc

Trong tuần kết thúc 15/10, lượng bò Úc đưa vào giết mổ tăng mạnh trở lại với tổng đạt 98,6 nghìn con ở các loại, tuy nhiên lượng bê đưa vào giết mổ tiếp tục giảm còn quanh 2.700 con. Nhìn chung, tổng lượng bò và bê Úc giết mổ trong tuần kể trên tăng gần 7% so với tuần kết thúc 08/10.

Bảng 11. Lượng bò và bê Úc đưa vào giết mổ theo tuần

Tuần kết thúc ngày	Bò				Bê	
	Bò đực (1.000 con)	Bò cái (1.000 con)	Tổng (1.000 con)	Thay đổi (%)	1.000 con	Thay đổi (%)
24/09/2021	59,7	38,3	97,9	▼6,1	4,5	▼17,3
01/10/2021	58,0	38,9	96,9	▼1,0	3,7	▼17,0
08/10/2021	54,5	37,3	91,8	▼5,3	2,9	▼21,1
15/10/2021	60,3	38,2	98,6	▲7,4	2,7	▼7,9

▶ *Tại Mỹ*

Mặc dù đứng trước lo ngại nhu cầu thịt bò có thể sẽ yếu hơn, lượng trâu/bò đưa vào giết mổ trong 2 ngày đầu tuần này vẫn tương đối ổn định.

Bảng 12. Lượng trâu/bò Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)

Ngày	Dự kiến	Thực tế giết mổ trong ngày			Lũy kế tuần	Lượng bê giết mổ
		Bò thiến và bò cái tơ	Bò giống và bò cái	Tổng		
18/10/2021	120	95	25	120	120	2
19/10/2021	121	94	27	121	241	1
20/10/2021	121	-	-	-	362	1

Ước tính trong tuần kết thúc vào ngày 16/10, sản lượng thịt bò sản xuất tại Mỹ giảm 1,7% so với tuần trước đó với 242,7 nghìn tấn, đưa tổng lượng sản xuất trong năm 2021 lũy kế tới ngày 16/10 đạt trên 9,85 triệu tấn thịt, tăng 2,8% so với lũy kế cùng kỳ năm 2020.

Bảng 13. Lượng thịt bò Mỹ sản xuất trong tuần

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng trâu/bò xuất chuồng (kg/con)	Lượng trâu/bò đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt trâu/bò (nghìn tấn; %)		
			Lượng (1.000 tấn)	Lũy kế 2021 (1.000 tấn)	2021/2020 (%)
25/09/2021	618,2	641	239,5	9120,2	▲3,2
02/10/2021	619,6	637	238,7	9357,7	▲3,0
09/10/2021	621,0	657	246,8	9606,6	▲3,4
16/10/2021	621,4	646	242,7	9851,3	▲2,8

C. THỊ TRƯỜNG CỪU/DÊ

DIỄN BIẾN GIÁ

Bảng 14. Bảng giá giao dịch cừu tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Cừu hơi						
Indonesia	Cừu hơi - bán tại trại	IDR/kg	54.592	▼271	▲5.252	87.900
Vương quốc Anh	Cừu hơi - bán tại trại	GBP/100kg	227,20	—0,00	-	70.000
Cừu mảnh						
Úc	Cừu non cỡ trung (18-22kg)	Aucent/kg thịt xẻ	884,00	▲1,00	▲126,00	152.600
	Cừu non cỡ lớn (>22kg)	Aucent/kg thịt xẻ	902,00	▲3,00	▲167,00	155.700
	Cừu già (18-24kg)	Aucent/kg thịt xẻ	607,00	▲20,00	▼32,00	104.800
EU-27	Cừu non cỡ nhỏ (<13kg)	EUR/100kg thịt xẻ	648,70	—0,00	▲67,28	176.900
	Cừu non cỡ lớn (>13kg)	EUR/100kg thịt xẻ	655,10	—0,00	▲40,66	175.200
Mỹ	Cừu hơi – bán tại lò mổ	Uscent/pound thịt xẻ	242,32	—0,00	-	122.100
Indonesia	Thịt cừu – bán tại chợ	IDR/kg	115.129	▼1.016	▲9.796	185.400

Bảng 15. Bảng giá giao dịch dê tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Úc	Dê nhỏ (8-10kg)	Aucent/kg thịt xẻ	867,00	—0,00	▲30,75	146.800
	Dê cỡ trung (10-16kg)	Aucent/kg thịt xẻ	887,00	—0,00	▲50,75	150.100
	Dê cỡ lớn (16-20kg)	Aucent/kg thịt xẻ	911,00	—0,00	▲74,75	154.200
	Dê già (>20kg)	Aucent/kg thịt xẻ	888,00	—0,00	▲51,75	150.300
Indonesia	Dê hơi - bán tại trại	IDR/kg	59.850	▼928	▲2.505	96.400

Ghi chú: Giá dê Úc áp dụng cho dê mảnh giao dịch tại lò mổ

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Sản xuất – Tiêu thụ

Tại Úc

Bảng 16. Lượng cừu và dê Úc đưa vào giết mổ theo tuần

Tuần kết thúc ngày	Cừu		Dê	
	1.000 con	Thay đổi (%)	1.000 con	Thay đổi (%)
24/09/2021	451,7	▼6,8	26,4	▼1,6
01/10/2021	500,5	▲10,8	29,1	▲9,9
08/10/2021	454,5	▼9,2	26,1	▼10,3
15/10/2021	488,5	▲7,5	24,4	▼6,4

Tại Mỹ

Bảng 17. Lượng cừu Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)

Ngày	Dự báo	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
18/10/2021	10	10	10	9	9
19/10/2021	8	8	18	16	17
20/10/2021	6	-	24	22	23

Bảng 18. Lượng thịt cừu Mỹ sản xuất trong tuần

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng cừu xuất chuồng (kg/con)	Lượng cừu đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt cừu (nghìn tấn; %)		
			Lượng (nghìn tấn)	Lũy kế 2021 (nghìn tấn)	2021/2020 (%)
25/09/2021	54,0	31	0,8	40,1	▼4,3
02/10/2021	53,5	32	0,9	41,1	▼4,2
09/10/2021	53,5	34	0,9	42,1	▼3,9
16/10/2021	54,9	35	1,0	43,2	▼3,2

D. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 19. Tham khảo giá một số loại nguyên liệu TACN đầu vào

Loại giá	Kỳ hạn	ĐVT	Giá	Thay đổi	Diễn biến chính
Ngô					

CBOT - Mỹ	T12/2021	cent/bushel	539,20	▲9,00	Giá ngô CBOT có xu hướng tăng trong phần lớn phiên giao dịch nhờ sự hỗ trợ từ đà tăng của thị trường tài chính và năng lượng.
DCE - Trung Quốc	T3/2022	CNY/tấn	2.586	▼7	
Lúa mỳ					
CBOT - Mỹ	T12/2021	cent/bushel	749,20	▲13,20	Giá lúa mỳ kỳ hạn tháng 12 trên sàn CBOT ghi nhận xu thế đi lên liên tục trong suốt phiên giao dịch và chốt phiên đạt mức 749,2 UScent/giạ, tăng mạnh 1,8% so với phiên trước đó.
FOB - Canada 13,5%	T12/2021	USD/tấn	398,75	▲6,00	
Khô đậu tương					
CBOT - Mỹ	T12/2021	USD/tấn ngắn	328,40	▲5,80	Giá khô đậu tương CBOT tăng khá tốt trong phiên châu Mỹ theo đà tăng của giá đậu tương, bất chấp đà tăng của mạnh hơn 3,7% của giá dầu đậu tương.
DCE - Trung Quốc	T12/2021	CNY/tấn	3.410	▲16	

Bảng 20. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 21/10/2021

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,753	▲0,76	AUD/VND*	17.258	▲0,61
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,179	▼0,22	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,812	▲0,41	CAD/VND*	18.694	▲0,02
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,156	▼0,19	CNY/VND	3.559	▼0,18
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,166	▲0,21	EUR/VND*	27.215	▲0,07
GBP (Anh)	GBP/USD	1,383	▲0,25	GBP/VND*	31.873	▲0,36
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,61	—0,00
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,58	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	—0,00	THB/VND*	694	▼0,08
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22,855	▼0,02

*Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank*

Thị trường Gia cầm thế giới ngày 21/10/2021

07:44 21/10/2021

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM THẾ GIỚI

Thị trường Gia cầm	***Trung Quốc*** - Giá gà trắng thịt tiếp đà được đẩy tăng nhẹ lên quanh mức 7,56 tệ/kg - Tiêu thụ vịt thịt ở các chợ đầu mối rất yếu khiến giá vịt tiếp tục suy yếu, xuống còn quanh mức 7,92 tệ/kg

DIỄN BIẾN GIÁ

Tại Trung Quốc

- Giá gà trắng tiếp đà được đẩy tăng nhẹ lên quanh mức 7,56 tệ/kg, tương đương gần 30.000 đồng/kg do lượng gà đến biểu xuất chuồng chưa có nhiều trở lại trong khi thời tiết chuyển lạnh khiến tiêu thụ thịt gà được cải thiện hơn

- Với giao dịch gà trắng giống, mặc dù nguồn cung con giống vẫn được đẩy ra thị trường tương đối nhiều tuy nhiên việc giá gà thịt tăng tốt trong thời gian gần đây khiến nhu cầu hỏi mua cao hơn giúp giá con giống đảo chiều tăng lại lên quanh mức 1,01 tệ/con, tương đương trên 3.500 đồng/con.

- Nguồn cung trứng thiếu hụt không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ khiến giá trứng tiếp tục kéo dài đà tăng lên quanh mức 9,50 tệ/kg, tương đương hơn 33.800 đồng/kg. Dự kiến, giá trứng vẫn có thể tiếp tục tăng trong nửa cuối tuần này

Giá trứng bình quân trên toàn quốc có dấu hiệu ngừng giảm từ ngày 10/10 và liên tiếp điều chỉnh tăng tốt trong thời gian gần đây do :(1) Lứa gà đẻ trong tháng này dự kiến giảm mạnh so với tháng trước do lượng gà con được thả nuôi bổ sung trong tháng 6 giảm mạnh tới 19% so với hồi tháng 5; (2) Trong thời gian trước và sau kì nghỉ Quốc Khánh, do giá trứng, giá heo cùng giá gia cầm có xu hướng giảm ,các trang trại không chắc chắn về triển vọng thị trường khiến việc loại bỏ gà loại thải tăng cao khiến lượng gà đẻ hiện tại hạn chế hơn; (3) Vào những năm trước, lượng trứng tồn kho sau dịp Tết Trung thu và Quốc khánh tương đối cao tuy nhiên trong năm nay, việc giá trứng cao duy trì trong thời gian dài từ đầu tháng 7, các kho có tâm lí sợ rủi ro, nhu cầu thu mua để tích trữ không cao khiến lượng trứng tồn kho sau giai đoạn nghỉ lễ kép duy trì ở mức thấp; (4) Thời gian gần đây, giá thịt heo và giá rau có chiều hướng tăng trở lại, tiêu thụ các mặt hàng thay thế như trứng cải thiện hơn có thể giúp giá trứng đẩy tăng

- Tiêu thụ vịt thịt ở các chợ đầu mối rất yếu khiến giá vịt tiếp tục suy yếu, xuống còn quanh mức 7,92 tệ/kg, tương đương hơn 28.00 đồng/kg. Có diễn biến trái ngược, nguồn cung con giống vẫn chưa thực dồi dào khiến giá con giống tăng trở lại, lên quanh mức 1,98 tệ/con, tương đương hơn 7.000 đồng/con.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước ngày 20/10/2021

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	7,56	▲0,02	-	26.950
	Gà trắng giống	CNY/con	1,01	▲0,17	-	3.600

	Vịt thịt	CNY/kg	7,92	▼0,04	-	28.230
	Vịt giống	CNY/con	1,98	▲0,10	-	7.060
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	30,5	—0,00	-	21.170
	Gà nửa con	Baht/kg	65	—0,00	-	45.110
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	11.800
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,45	—0,00	▲0,33	33.150
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,49	—0,00	▲0,40	34.060
Mỹ (miềnTrung)	Gà sống	Cents/pound	50,0-69,0	—0,00	-	25.230-34.820
	Đùi gà	Cents/pound	43,0-53,0	—0,00	-	21.700-26.750
	Chân gà	Cents/pound	31,0-70,0	—0,00	-	15.640-35.320
	Cánh gà	Cents/pound	270,0-310,0	—0,00	-	136.250-156.440

Bảng 2. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước ngày 20/10/2021

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/1 quả trứng
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	9,50	▲0,04	-	33.870
	(DCE) Kì hạn T12/2021	CNY/500kg	4.789	▼6	▲965	34.150
	DCE) Kì hạn T1/2022	CNY/500kg	4.565	▼8	▲511	32.550
	(DCE) Kì hạn T2/2022	CNY/500kg	3.978	▼12	▲421	28.360
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	260,0	—0,00	-	1.800
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	300,0	—0,00	-	2.080
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	283,0	—0,00	-	1.960
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.510

-

Mỹ

Bảng 3. Lượng gà thịt được đưa vào giết mổ tại Mỹ theo tuần (1000 con)

Tuần kết thúc	Số lượng	Thay đổi so với tuần trước (%)

15/10/2021	158,728	-0,30
08/10/2021	159,207	-0,45
01/10/2021	159,937	-0,24
24/09/2021	160,326	+0,49
17/09/2021	159,540	+13,2

THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 4. Tỷ giá một số đồng tiền chính

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%) so với hôm trước
CNY (Trung Quốc)	CNY/VND	3.565	▲0,72
EUR (Châu Âu)	EUR/VND*	27.195	▲0,30
KHR (Campuchia)	KHR/VND	5,58	—0,00
THB (Thái Lan)	THB/VND*	694	▲0,12
USD (Mỹ)	USD/VND*	22,860	—0,00

*Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank*

Thị trường Gia súc nội địa ngày 21/10/2021

15:08 21/10/2021

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 21/10/2021

THỊ TRƯỜNG HEO		
Giá heo hơi nội địa		
Miền Bắc	Mặt bằng giá heo tiếp tục được đẩy lên **36.000-38.000** đồng/kg, mức dưới **36.000** đồng/kg không còn, ngay cả với heo biểu to.	***Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam:*** - Do nhu cầu đóng heo ra Bắc tăng mạnh nên giá heo biểu to từ 130-140 kg/con tại miền Trung nay tăng lên mức **34.000** đồng/kg trong khi heo loại ra từ đi thành phố tại miền Nam tăng lên mức **30.000-31.000** đồng/kg. - Nhu cầu thuê xe chở heo để đóng heo từ miền Trung và miền Nam ra Bắc tăng mạnh, đẩy giá cước xe lên mức **60-65** triệu đồng/xe, tức tăng thêm **10** triệu đồng/xe so với hôm qua và rất khó thuê
Miền Trung và miền Nam	Do lực hút heo từ miền Bắc nên một số công ty cũng tranh thủ đẩy giá bán heo tăng thêm từ **1.000-2.000** đồng/kg tùy loại.	
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ		

Chợ đầu mối Ngọc Lũ-Hà Nam	- Lượng heo về chợ: **>4.000** con, gần như toàn bộ là heo từ miền Trung và miền Nam đưa ra còn heo dân quanh vùng rất ít. Chợ bán trôi từ đầu phiên do khách tới đông. Giá heo tại chợ: giá hàng đầu: **40.000-40.500** đồng/kg, phổ biến **36.000-37.000** đồng/kg.
Lò mổ Vạn Phúc-HN	Lượng heo đưa về giảm khi nhiều công ty ngưng bán đột ngột, còn khoảng **1.300-1.400** con/ngày Giá heo móc hàm: cao nhất **52.000** đồng/kg, phổ biến **46.000-47.000** đồng/kg
Giao dịch biên mậu	
Cửa khẩu phía Bắc	Dù có thông tin heo Việt Nam được gom lên lò mổ sát biên khu vực Cao Bằng, Lạng Sơn rồi mổ mảnh bán đi Trung Quốc nhưng theo thương nhân, việc xuất heo mảnh vẫn chưa làm được do phía Trung Quốc kiểm soát chặt cho dù nhu cầu hỏi hàng của chủ bên Trung Quốc có khá nhiều
Cửa khẩu phía Nam	Nhu cầu gom heo miền Nam bán đi Cam có xu hướng tăng lại, đặc biệt qua cửa khẩu Vĩnh Gia, Vĩnh Điều của An Giang, với lượng đi được tầm 300-400 con/ngày, chủ yếu qua đường ghe, với giá heo bán tại cửa khẩu khoảng 41.000 đồng/kg.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

1. Miền Bắc

- Tại miền Bắc Việt Nam, do heo dân giảm mạnh lượng bán ra hoặc đòi giá cao 38-40.000 đồng/kg, cùng một số công ty lớn bán ra hạn chế hoặc ngưng bán nên mặt bằng giá heo tiếp tục được đẩy lên vào hôm nay, dao động quanh 36.000-38.000 đồng/kg, mức dưới 36.000 đồng/kg không còn, ngay cả với heo biểu to. Với những công ty đang mở bán, lượng bán vẫn đạt cao do nguồn cung heo nội vùng khan hiếm trong khi heo từ miền Trung và miền Nam phải từ chiều nay mới ra nhiều hơn.

- Nhu cầu thuê xe chở heo để đóng heo từ miền Trung và miền Nam ra Bắc tăng mạnh, đẩy giá cước xe lên mức 60-65 triệu đồng/xe, tức tăng thêm 10 triệu đồng/xe so với hôm qua và rất khó thuê.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		36,000-46,000	33,000-42,000	32,000-42,000
Heo dân	Thái Bình	36,000-40,000	35,000-38,000	33,000-38,000
	Bắc Giang	36,000-38,000	34,000-37,000	33,000-37,000
	Hà Nội	36,000-38,000	35,000-36,000	33,000-37,000

Heo giống			
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)	105.000-110.000	105.000-110.000	105.000-110.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	700.000-900.000	700.000-900.000	500.000-900.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)	1.000.000-1.300.000	1.000.000-1.300.000	1.000.000-1.300.000

2. Miền Trung

- Do nhu cầu đóng heo ra Bắc tăng mạnh nên giá heo biểu to từ 130-140 kg/con tại miền Trung nay tăng lên mức 34.000 đồng/kg trong khi heo loại ra từ đi thành phố tại miền Nam tăng lên mức 30-31.000 đồng/kg.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Trung		32,000-45,000	31,000-44,000	31,000-45,000
Heo dân	Nghệ An	35,000-37,000	34,000-36,000	32,000-36,000
	Bình Định	35,000-38,000	35,000-38,000	36,000-42,000
	Đắc Lắc	36,000-39,000	36,000-39,000	36,000-41,000
Lưu chuyển heo từ miền Trung vào miền Nam				
Giá heo gom vào miền Nam		34.000	33,000-34,000	-

3. Miền Nam

- Tại miền Trung và miền Nam, do lực hút heo từ miền Bắc nên một số công ty cũng tranh thủ đẩy giá bán heo tăng thêm từ 1.000-2.000 đồng/kg tùy loại. Sức mua tiêu thụ tại miền Trung và miền Nam chưa tăng đáng kể do số ca nhiễm Covid 19 ở mức cao khiến nhiều tỉnh nới giãn cách thận trọng và chưa cho bán hàng ăn tại chỗ.

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	36,000-46,000	36,000-46,000	36,000-46,000
	Miền Tây	35.000-46,500	35.000-46,500	35.000-46,500
Heo dân	Đồng Nai	36,000-41,000	36,000-41,000	36,000-41,000
	Tiền Giang	37,000-38,000	37,000-38,000	37,000-40,000
	Bến Tre	35,000-39,000	35,000-39,000	34,000-39,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.100.000	1.000.000-1.100.000	1.000.000-1.100.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.100.000-1.200.000	1.100.000-1.200.000	1.100.000-1.200.000

Lưu chuyển heo từ miền Nam ra miền Bắc			
Giá biểu to lên xe bán ra **miền Bắc**	30.000-31.000	29,500-30,000	28.000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- **Tại chợ Ngọc Lũ,** hôm nay lượng heo về chợ đạt hơn 4.000 con, gần như toàn bộ là heo từ miền Trung và miền Nam đưa ra còn heo dân quanh vùng rất ít. Chợ bán trôi từ đầu phiên và không còn tồn lượng do thương lái đổ về chợ mua heo tăng mạnh sau khi không mua được heo từ dân do giá cao hoặc không bán. Giá heo đầu tại chợ được giao dịch cao nhất 40-40.500 đồng/kg, phổ biến 36-37.000 đồng/kg.

- **Tại lò Vạn Phúc,** lượng heo đưa về có xu hướng giảm khi nhiều công ty lớn ngưng bán đột ngột, chỉ khoảng 1.300-1.400 con vào hôm nay. Giá heo mảnh tại lò được đẩy tăng lên mức cao nhất 52.000 đồng/kg, phổ biến 46-47.000 đồng/kg, hàng chân dễ bán.

Bảng 4. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại		Khu vực	21/10/2021	20/10/2021
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	57,500-62,000	57,500-62,000
		CP - miền Nam	62,000	62,000
		CJ - miền Nam	61,000	61,000
		Emivest - miền Nam	61,500	61,500
	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	41.000-52.000	41.000-50.000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	40.000	40.000
		Lộc An - TPHCM	21,000	21,000

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)

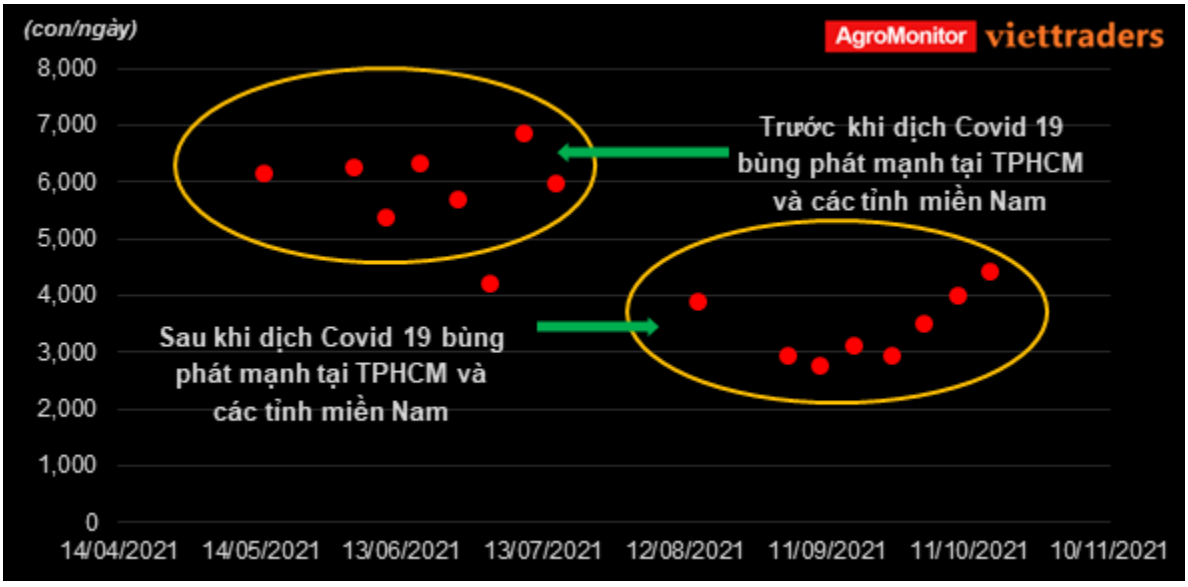

Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Giao dịch biên mậu

- **Tại cửa khẩu biên giới phía Bắc**, mặc dù có thông tin heo Việt Nam được gom lên lò mổ sát biên khu vực Cao Bằng, Lạng Sơn rồi mổ mảnh bán đi Trung Quốc nhưng theo thương nhân, việc xuất heo mảnh vẫn chưa làm được do phía Trung Quốc kiểm soát chặt cho dù nhu cầu hỏi hàng của chủ bên Trung Quốc có khá nhiều.

- **Nhu cầu gom heo miền Nam bán đi Cam có xu hướng tăng lại**, đặc biệt qua cửa khẩu Vĩnh Gia, Vĩnh Điều của An Giang, với lượng đi được tầm 300-400 con/ngày, chủ yếu qua đường ghe, với giá heo bán tại cửa khẩu khoảng 41.000 đồng/kg. Thương lái tại cửa khẩu kỳ vọng khi Campuchia mở cửa lại toàn bộ nền kinh tế cùng với phía Việt Nam cho lưu thông bằng xe tải qua biên thì lượng heo xuất đi Campuchia sẽ tăng tốt trong thời gian tới do chênh lệch giá heo giữa Việt Nam – Thái Lan- Campuchia vẫn khá tốt.

IV. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 5. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Dịch bệnh trên heo bùng phát nhiều hơn, dịch tả châu Phi nổ lại tại nhiều tỉnh thành miền Bắc, trong đó có cả các tỉnh miền núi phía Bắc. Ngoài dịch tả châu Phi, thì dịch bệnh Tai xanh cũng nổ lại nhiều hơn.
Miền Trung	- Tại Bắc miền Trung: Dịch tả heo châu Phi vẫn lai rai nổ tại nhiều vùng thuộc Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa. - Tại Nam miền Trung: Bệnh tả heo châu Phi đang nổ mạnh hơn tại nhiều địa phương. Dịch bệnh vẫn nổ nhiều tại các tỉnh Tây Nguyên như Đắc Lắc, Gia Lai khi khu vực này vẫn đang trong mùa mưa.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn đang bùng phát tại cả miền Đông và miền Tây. Các tỉnh đang bị dịch gồm có Đồng Nai, Bình Dương, Bến Tre, Tiền Giang, An Giang…

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 6. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	21/10/2021	20/10/2021
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuột – khu vực Hải Bối (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuột – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuột – bò ta	222.000	222.000

Bảng 7. Giá bò hơi và bò tuột tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	21/10/2021	20/10/2021
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò cà – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng. tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuột Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 21/10/2021

12:32 21/10/2021

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 20/10/2021

Gà trắng	Tại miền Bắc: **27.000-28.500** đồng/kg Nguồn cung gà trong dân đang dồi dào trở lại trong khi tiêu thụ tại các nhà hàng/quán ăn sau ngày 20/10 có phần chậm hơn. Trước diễn biến xấu của dịch bệnh Covid 19, nhiều tỉnh thành như Vĩnh Phúc, Phú Thọ tạm thời cho học sinh nghỉ học khiến tiêu thụ gia cầm tại các bếp ăn tập thể sụt giảm.
	Tại miền Nam: **27.000-28.000** đồng/kg Nguồn cung gà đang dần hồi phục trong nửa cuối tháng 10.
Tình hình tái đàn gà trắng	Thời tiết ngoài Bắc chuẩn bị vào đợt rét đậm rét hại khiến các trại có xu hướng bắt giống khỏe đẹp trong Nam với giá **10.000** đồng/con (đã bao gồm phí vận chuyển) thay vì mua giống ngoài Bắc giá rẻ **5.000** đồng/con.
Gà talai CP	Tại miền Bắc: **40.000-42.000** đồng/kg Tại miền Nam: **40.000** đồng/kg Giá gà talai khu vực Hà Giang điều chỉnh giảm trong khi giá tại miền Nam tăng liên tục khiến cánh thương lái chuyển sang bắt gà tại các tỉnh thành lân cận Hà Nội đi đường ngắn lên Hà Giang tiêu thụ.
Vịt thịt	Tại miền Bắc: **36.000-38.000** đồng/kg Tại miền Đông: **48.000-49.000** đồng/kg Tại miền Tây: **53.000-54.000** đồng/kg Tại miền Đông, nguồn cung vịt đang dần có lại trong khi tiêu thụ nội vùng chưa thực khởi sắc

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- **Tại miền Bắc**, giá gà trắng tiếp tục chững lại quanh mức 27-28.000 đồng/kg, đầu giá 28.500 đồng/kg áp dụng cho biểu gần 4 kg/con vẫn có nhưng không nhiều. Theo nhận định của thương nhân, giá gà tại miền Bắc sẽ quay đầu giảm từ ngày mai do: (i) Nguồn cung gà trong dân đang dồi dào trở lại, (ii) Tiêu thụ tại các nhà hàng/quán ăn sau ngày 20/10 có phần chậm hơn, (iii) Trước diễn biến xấu của dịch bệnh Covid 19, nhiều tỉnh thành như Vĩnh Phúc, Phú Thọ tạm thời cho học sinh nghỉ học làm tiêu thụ gia cầm tại các bếp ăn tập thể sụt giảm.

- **Tại miền Nam**, đúng theo dự kiến, giá gà trắng khu vực này bắt đầu giảm lại vào nửa cuối tháng 10 khi nguồn cung gà đang dần hồi phục, giá giảm về ngưỡng 27-28.000 đồng/kg và có thể sẽ tiếp tục suy yếu trong thời gian tới.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	27.000-28.500	27.000-28.500	22.000-24.000
	Miền Nam	27.000-30.000	30.000-31.000	28.000-30.000
Gà trong dân	*Miền Bắc*			
	Thái Nguyên	27.000-28.000	27.000-28.000	22.000-23.500
	Vĩnh Phúc	27.500-28.500	27.500-28.500	22.000-24.000
	Hà Nội	27.500-28.500	27.500-28.500	22.000-24.000
	Miền Nam			
	Bình Dương	27.000-28.000	30.000-31.000	27.000-30.000
	Bình Phước	27.000-28.000	30.000-31.000	27.000-30.000

Diễn biến gà trắng giống

- **Tại miền Bắc**, lực tái đàn gà trắng vẫn khá tốt, không có tình trạng để trống chuồng tuy nhiên do thị trường gia cầm không mấy lạc quan khiến nhiều trại tư nhân chuyển quy mô sang gia công với hợp đồng công ty mua giống quanh mức 10-12.000 đồng/con và giá gà trắng thịt bán theo hợp đồng ở ngưỡng 30.000 đồng/kg áp dụng cho biểu trên dưới 3 kg/con. Thời tiết ngoài Bắc chuẩn bị vào đợt rét đậm rét hại khiến các trại khu vực này có xu hướng bắt giống khỏe đẹp trong Nam với giá 10.000 đồng/con (đã bao gồm phí vận chuyển) thay vì mua giống CP ngoài Bắc giá rẻ 5.000 đồng/con.

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	21/10/2021	20/10/2021
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	5.000-6.000	5.000-6.000
	Ăn cám công ty	4.000-4.500	4.000-4.500
DOC-miền Nam	Bán ngoài	6.000-7.000	6.000-7.000
	Ăn cám công ty	5.000-6.000	5.000-6.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	21/10/2021	20/10/2021
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	1800	1800
	Mix04(>=20.3kg)	1700	1700
	Mix05(>=19.3kg)	1600	1600
Miền Nam (trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 23.5kg	1450	1450
	Loại 22.5kg	1350	1350
	Loại 21.5kg	1250	1250
	Loại 20.5kg	1150	1150
	Loại 19.5kg	1050	1050

Gà màu

- Tại miền Bắc, giá gà ta lai CP tiếp tục chững lại quanh mức 40-42.000 đồng/kg, tùy vùng. Do giá gà 70 ngày tuổi khu vực Hà Giang điều chỉnh giảm còn 46-47.000 đồng/kg trong khi giá gà tại miền Nam tăng liên tục khiến cánh thương lái chuyển sang bắt gà tại các tỉnh thành lân cận Hà Nội đi đường ngắn thay vì đóng gà từ trong Nam ra Hà Giang.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	40.000-42.000	40.000-42.000	40.000-42.000
Gà ta lai CP – miền Nam	40.000	40.000	35.000-38.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	49.000-51.000	49.000-51.000	49.000-51.000
Gà màu Dabaco – miền Nam- gà nuôi trên 4 tháng	38.000-39.000	38.000-39.000	38.000-39.000
Gà Minh Dư – miền Bắc – gà nuôi trên 4 tháng	50.000-55.000	50.000-55.000	48.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Nam – gà nuôi trên 4 tháng	38.000-40.000	38.000-40.000	40.000-42.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Vùng/miền	21/10/2021	20/10/2021
DOC- Dabaco, Hòa Phát	8.000	8.000
DOC-Minh Dư	8.000-10.000	8.000-10.000
DOC- Lai chọi Lại Vượng	8.000	8.000
DOC- Tiến Đạt	11.000-12.000	11.000-12.000
DOC- Lai mía	9.000-10.000	9.000-10.000
DOC- Lai Hồ	9.000-10.000	9.000-10.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Vùng/miền	21/10/2021	20/10/2021
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-7.000	5.000-7.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, nhiều tỉnh thành điều chỉnh giảm giá vịt vào hôm nay như Vĩnh Phúc, Phú Thọ, xuống còn phổ biến 36.000 đồng/kg do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, các ca nhiễm Covid 19 ngoài cộng đồng tiếp tục tăng.

- Tại miền Đông, nguồn cung vịt đang dần có lại trong khi tiêu thụ nội vùng chưa thực khởi sắc khiến giá quay đầu giảm còn 48-49.000 đồng/kg.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	21/10/2021	20/10/2021	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	36.000-38.000	37.000-38.000	40.000-41.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	48.000-49.000	49.000-50.000	43.000-46.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	53.000-54.000	53.000-54.000	47.000-56.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Vùng/miền	21/10/2021	20/10/2021
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	13.000	13.000
	DOC- Vịt Grimaud	13.000	13.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	10.000	10.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	17.000	17.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, giao dịch gà trắng hôm nay không có nhiều biến động. Lượng gà đổ về chợ khoảng trên dưới 3.000 con, tiêu thụ chưa có nhiều cải thiện rõ rệt. Giá gà nhập về chợ (mua xô) tiếp tục ổn định quanh ngưỡng 30.500 đồng/kg, giá bán ra được 30-33.000 đồng/kg.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	21/10/2021	20/10/2021
Gà trắng	Mua vào	30.500	30.500
	Bán ra	30.000-33.000	30.000-33.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	50.000	50.000
	Bán ra	55.000	55.000
Gà Japfa	Mua vào	48.000-50.000	48.000-50.000
	Bán ra	53.000-55.000	53.000-55.000